

# VÀO PHỦ CHÚA TRỊNH

(Trích *Thượng kinh kí sự*<sup>(1)</sup>)

LÊ HỮU TRÁC

## KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Thấy được sự cảm nhận của Lê Hữu Trác về uy quyền và cuộc sống của chúa Trịnh.
- Hiểu được đặc điểm bút pháp kí sự của tác giả qua đoạn trích.

## TIỂU DẪN

Lê Hữu Trác (1720 ? - 1791) là danh y lỗi lạc, nhà văn tài hoa, người làng Liêu Xá, huyện Đường Hào, phủ Thượng Hồng, trấn Hải Dương (nay thuộc huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên), biệt hiệu Hải Thượng Lãn Ông<sup>(2)</sup>. Là con thứ bảy của quan Hữu thị lang bộ Công nên Lê Hữu Trác còn có tên là Chiêu Bấy. Tuy sinh ra, lớn lên ở quê cha, nhưng khi gần ba mươi tuổi, ông về sống tại quê mẹ thuộc xứ Bàu Thượng, xã Tĩnh Diễm (nay thuộc xã Sơn Quang) huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Đã có một thời Lê Hữu Trác theo nghề võ. Sau, ông nhận thấy "ngoài việc luyện câu văn cho hay, mài lưỡi gươm cho sắc, còn phải đem hết tâm lực chữa bệnh cho người". Từ đấy, tác giả đi sâu vào nghiên cứu y học, đúc kết thành bộ sách gồm sáu mươi sáu quyển với nhan đề *Hải Thượng y tông tâm lĩnh*. Quyển cuối cùng (quyển vĩ) của bộ sách này là một tác phẩm văn học đặc sắc: *Thượng kinh kí sự*.



Lê Hữu Trác (Nguyễn Tiến Chung vẽ)

(1) *Thượng kinh kí sự*: Kí sự đến kinh đô.

(2) *Hải Thượng Lãn Ông*: Ông lười ở đất Thượng Hồng, Hải Dương.

*Thượng kinh kí sự* đánh dấu sự phát triển mới của thể kí Việt Nam thời trung đại. Tác giả ghi lại những cảm nhận của bản thân trước hiện thực về cảnh vật và con người mà mình tận mắt chứng kiến kể từ khi nhận được lệnh triệu về kinh đô chữa bệnh cho thế tử Cán ngày 12 tháng giêng năm Nhâm Dần (1782) cho đến lúc xong việc, về tới nhà ở Hương Sơn ngày mồng 2 tháng 11 (tổng cộng là 9 tháng 20 ngày).

Tác phẩm mở đầu bằng cảnh u nhã ở Hương Sơn, đưa người đọc vào thế giới mộng mơ của một ẩn sĩ lánh đời. Bỗng có chỉ<sup>(1)</sup> triệu vào kinh. Cuộc sống êm đềm bị phá tan. Lân Ông buộc phải lên đường. Các sự việc cứ diễn ra theo thời gian và đè nặng lên tâm trạng tác giả.

Sau khi đến kinh đô, Lê Hữu Trác được mời đến ở nhà người em của Quận Huy. Tiếp đó tác giả bắt đầu vào phủ chúa để khám bệnh cho thế tử Cán. Đoạn trích thuật lại việc Lê Hữu Trác vào phủ chúa Trịnh.

\*

\* \* \*

Mồng 1 tháng 2. Sáng tinh mơ, tôi nghe tiếng gõ cửa rất gấp. Tôi chạy ra mở cửa. Thì ra một người đầy tớ quan Chánh đường<sup>(2)</sup> vừa nói vừa thở hổn hển :

– Có thánh chỉ triệu cụ vào ! Quan truyền mệnh<sup>(3)</sup> hiện đang ở nhà cụ lớn con, con vâng lệnh chạy đến đây báo tin. Lính ở dinh đã đem cáng đến đón cụ ở ngoài cửa. Xin cụ vào phủ châu ngay.

Tôi bèn sửa sang áo mũ chỉnh tề, lên cáng vào phủ. Tên đầy tớ chạy đằng trước hét đường. Cáng chạy như ngựa lồng, tôi bị xóc một mẻ, khổ không nói hết. Chúng tôi đi cửa sau vào phủ. Người truyền mệnh dẫn tôi qua mấy lần cửa nữa, theo đường bên trái mà đi. Tôi ngẩng đầu lên : đầu đầu cũng là cây cối um tùm, chim kêu ríu rít, danh hoa đua thắm, gió đưa thoang thoang mùi hương. Những dãy hành lang quanh co nối nhau liên tiếp. Người giữ cửa truyền báo rộn ràng, người có việc quan qua lại như mắc cửi. Vệ sĩ canh giữ cửa cung, ai muốn ra vào phải có thẻ<sup>(4)</sup>.

Tôi nghĩ bụng : Minh vốn con quan, sinh trưởng ở chốn phồn hoa, chỗ nào trong cấm thành mình cũng đã từng biết. Chỉ có những việc ở trong phủ chúa là

---

(1) *Chỉ* : chiếu chỉ của vua, ở đây là chiếu chỉ của chúa Trịnh Sâm.

(2) *Quan Chánh đường* : chức quan đứng đầu trông coi mọi việc trong phủ chúa ; ở đây chỉ Quận Huy.

(3) *Quan truyền mệnh* (cũng gọi là quan truyền chỉ) : quan chuyên làm nhiệm vụ truyền mệnh lệnh của vua cho bề tôi ; ở đây là quan truyền chỉ của chúa.

(4) *Thẻ* : như giấy ra vào công sở ngày nay.

mình chỉ mới nghe nói thôi. Bước chân đến đây mới hay cảnh giàu sang của vua chúa thực khác hẳn người thường ! Bèn ngâm một bài thơ để ghi nhớ việc này :

*Lính nghìn cửa vắc đòng<sup>(1)</sup> nghiêm nhất,  
Cả trời Nam sang nhất là đây !  
Lâu từng gác vẽ tung mây,  
Rèm châu, hiên ngọc, bóng mai ánh vào.  
Hoa cung thoảng ngạt ngào đưa tới,  
Vườn ngự nghe vệt nói đòi phen.  
Quê mùa, cung cấm chưa quen,  
Khác gì ngư phủ đào nguyên<sup>(2)</sup> thuở nào !<sup>(3)</sup>*

Đi được vài trăm bước, qua mấy lần cửa mới đến cái điểm "Hậu mã quân túc trực"<sup>(4)</sup>. Điểm làm bên một cái hồ, có những cái cây lạ lùng và những hòn đá kì lạ. Trong điểm, cột và bao lơn lượn vòng, kiểu cách thật là xinh đẹp. Quan Chánh đường mỗi khi ở triều ra thì nghỉ ở đây. Thấy tôi, ông bảo quan truyền chỉ :

– Chiều qua, tôi đã tâu lên. Thánh thượng<sup>(5)</sup> cho phép cụ vào để hầu mạch Đông cung thế tử<sup>(6)</sup>.

Ông cùng vào với quan truyền chỉ, bảo tôi đi theo cùng mấy người tiểu hoàng môn<sup>(7)</sup>. Đi bộ đến một cái cửa lớn, thị vệ, quân sĩ thấy tôi ăn mặc có vẻ lạ lùng, muốn giữ lại. Quan truyền chỉ nói :

– Có thánh chỉ triệu.

---

(1) *Vắc đòng* : dịch thoát ý từ chữ "kim qua" – cái mác, một loại vũ khí thời xưa.

(2) *Đào nguyên* : lấy ý trong *Đào Hoa nguyên kí* (truyện *Suối Hoa đào*) của Đào Tiềm thời Đông Tấn (Trung Quốc), kể chuyện một người đánh cá lạc đến suối Hoa đào. Sau dùng hai chữ "đào nguyên" để chỉ thế giới thần tiên.

(3) Nguyên bài thơ được viết theo thể thất ngôn bát cú Đường luật. Ở đây người dịch đã chuyển sang thơ song thất lục bát.

(4) *Điểm* : ngôi nhà dùng để dừng chân nghỉ ngơi hoặc chờ đợi ; *điểm "Hậu mã quân túc trực"* : nơi quân hậu mã luôn có mặt để đợi sai phái.

(5) *Thánh thượng* : từ dùng để chỉ nhà vua, ở đây chỉ chúa Trịnh Sâm.

(6) *Đông cung* : nơi ở của thái tử – người sẽ lên nối ngôi vua ; *thế tử* : người sẽ lên nối ngôi chúa, ở đây là Trịnh Cán.

(7) *Tiểu hoàng môn* : tên gọi quan hoạn thời xưa.

Họ bèn để cho tôi đi. Qua dãy hành lang phía tây, đến một cái nhà lớn thật là cao và rộng. Hai bên là hai cái kiệu để vua chúa đi. Đồ nghi trượng<sup>(1)</sup> đều sơn sơn thếp vàng. Ở giữa đặt một cái sập thếp vàng. Trên sập mắc một cái võng điều. Trước sập và hai bên, bày bàn ghế, những đồ đạc nhân gian chưa từng thấy. Tôi chỉ dám ngược mắt nhìn rồi lại cúi đầu đi. Lại qua một cửa nữa, đến một cái lầu cao và rộng. Ở đây, cột đều sơn sơn thếp vàng. Tôi hỏi nhỏ quan truyền chỉ, ông ta nói :

– Ta vừa đi qua nhà "Đại đường". Nhà ấy gọi là "Quyển bông", cái gác này gọi là "Gác tía". Vì thế tử "dùng trà" ở đây, cho nên gọi nó là "phòng trà". (Số là ở đây kiêng danh từ "thuốc" nên gọi thuốc là "trà").

Bấy giờ trong "phòng trà" có bảy, tám người. Thấy quan Chánh đường đến, tất cả đều đứng dậy. Quan Chánh đường ngồi ghế trên. Mọi người ngồi theo thứ tự. Quan Chánh đường bảo tôi ngồi vào giữa. Lúc đầu tôi không hiểu, sau mới biết đó là các vị lương y của sáu cung, hai viện được dự vào việc hầu trà, ngày đêm châu chực ở đây. Thấy tôi, họ đều nhìn nhau. Có người cúi xuống hỏi nhỏ. Quan Chánh đường cười :

– Cụ này là con ông Liêu Xá ở Đường Hào vào ngụ cư trong Hương Sơn, làm thuốc hay có tiếng, nay vâng thánh chỉ vào kinh.

Bấy giờ có người chít khăn lượt tầu, cười và bảo tôi :

– Cụ có biết tôi không ?

– Tôi là kẻ ở nơi quê mùa, làm sao biết được các vị ở nơi triều đình đông đúc như thế này ?

– Tôi là người An Việt, huyện La Sơn, ở nhà, tôi vẫn nghe tiếng cụ như sấm động bên tai, nhưng chưa hề được gặp.

Bấy giờ tôi mới biết ông ta làm giáo quan ở An Việt, tên là Chúc, được ông Nguyễn Kiêm người Tiên Điền làm Thự trấn đề cử làm thầy thuốc châu chực ở đây. Sau đó, lại được làm thuốc ở Bộ Binh, giữ chức Tham đồng. Tôi nói :

– Chỗ ở của tôi không xa chỗ ở của ngài bao nhiêu. Tôi mấy lần muốn đến thăm nhưng phiền một nỗi là không có dịp.

Đang dở câu chuyện thì quan truyền mệnh đến nói nhỏ với quan Chánh đường. Quan Chánh đường đứng dậy, bảo tôi :

---

(1) Đồ nghi trượng : các loại đồ dùng theo nghi thức cấp bậc quy định cho vua chúa.

– Ta hãy vào ăn cơm sáng một lát đã.

Tôi theo ông, đi theo con đường cũ trở về điểm "Hậu mã". Ông nói :

– Thánh thượng đang ngự ở đấy, xung quanh có phi tần châu chực, nên chưa thể yết kiến. Ta hãy tạm ra ngoài.

Ông san mâm cơm cho tôi ăn. Mâm vàng, chén bạc, đồ ăn toàn là của ngon vật lạ, tôi bấy giờ mới biết cái phong vị của nhà đại gia. Ăn xong, thấy một viên quan hầu cận chạy lại mời quan Chánh đường vào và bảo tôi đi theo. Đột nhiên, thấy ông ta mở một chỗ trong màn gấm rồi bước vào. Ở trong tối om, không thấy có cửa ngõ gì cả. Đi qua độ năm, sáu lần trướng gấm như vậy, đến một cái phòng rộng, ở giữa phòng có một cái sập thếp vàng. Một người ngồi trên sập độ năm, sáu tuổi, mặc áo lụa đỏ. Có mấy người đứng hầu hai bên. Giữa phòng là một cây nến to cắm trên một cái giá bằng đồng. Bên sập đặt một cái ghế rồng sơn son thếp vàng, trên ghế bày nệm gấm. Một cái màn là che ngang sân. Ở trong có mấy người cung nhân đang đứng xúm xít. Đèn sập chiếu sáng, làm nổi màu mặt phấn và màu áo đỏ. Xung quanh lấp lánh, hương hoa ngào ngạt. Xem chừng Thánh thượng thường thường vẫn ngồi trên ghế rồng này, nay người rút lui vào màn để tôi xem mạch Đông cung cho thật kĩ.

Tôi nín thở đứng chờ ở xa. Quan Chánh đường truyền lệnh cho tôi lạy bốn lạy. Thế tử cười :

– Ông này lạy khéo !

Quan Chánh đường lại truyền mệnh :

– Cụ già yếu, cho phép cụ ngồi hầu mạch.

Tôi khúm núm đến trước sập xem mạch. Xem xong, nghe trong màn có tiếng nói nhỏ :

– Cho ông ta xem cả thân hình nữa !

Một viên quan nội thân<sup>(1)</sup> đứng châu đến bên sập xin phép thế tử. Thế tử đứng dậy, cởi áo, đứng bên giường cho tôi xem. Tôi xem kĩ tất cả lưng, bụng và chân tay một lượt. Quan Chánh đường lại truyền mệnh bảo tôi lạy tạ rồi đi ra. Tôi đứng dậy lạy bốn lạy. Thấy quan Chánh đường bảo một tiểu hoàng môn đưa tôi ra "phòng trà" ngồi. Một lát sau, ông đến hỏi :

---

(1) *Quan nội thân* : quan hầu cận trong cung cấm.

– Cụ xem mạch như thế nào ? Nên dùng thứ thuốc gì thì cụ cứ viết một tờ trình lên.

Rồi ông lại tiếp :

– Bệnh đã nửa năm nay. Trước kia gầy lắm, nay đã hơi có da, có thịt, bản chất yếu, bệnh đã lâu mà không bỏ được, vì dùng dương dược thì nóng, mà dùng âm dược thì trệ<sup>(1)</sup>. Có khi phải dùng những vị phát tán<sup>(2)</sup> mới xong !

Ông bảo quan Tả viện đem những đơn thuốc đang dùng đến cho tôi xem. Nguyên khi ông đề cử tôi và nói mấy câu này là cũng có ý muốn tôi biết chừng. Ông cũng có biết thuốc, tuy kiến thức về thuốc chưa sâu, nhưng hễ bàn đến thuốc là cứ muốn dùng thứ thuốc công phạt. Ông thường nói : "Có bệnh thì trước hết là phải đuổi bệnh. Khi đã đuổi cái tà đi rồi hãy bổ, thì mới là cái phép đúng đắn nhất". Nhưng theo ý tôi, đó là vì thế tử ở trong chốn màn che trướng phủ, ăn quá no, mặc quá ấm nên tạng phủ yếu đi. Vả lại, bệnh mắc đã lâu, tinh khí khô hết, da mặt khô, rốn lõm to, gân thời xanh, tay chân gầy gò. Đó là vì nguyên khí đã hao mòn, thương tổn quá mức. Nếu chỉ lo dùng thứ thuốc công phạt khắc bác<sup>(3)</sup> mà không biết rằng nguyên khí càng hao mòn dần thì chỉ làm cho người thêm yếu. Bệnh thế này không bổ thì không được. Nhưng sợ mình không ở lâu, nếu mình làm có kết quả ngay thì sẽ bị danh lợi nó ràng buộc, không làm sao về núi được nữa. Chi bằng ta dùng thứ phương thuốc hoà hoãn, nếu không trúng thì cũng không sai bao nhiêu. Nhưng rồi lại nghĩ : Cha ông mình đời đời chịu ơn của nước, ta phải dốc hết cả lòng thành, để nối tiếp cái lòng trung của cha ông mình mới được. Nghĩ đi nghĩ lại một hồi, tôi mới nói :

– Tôi thấy thánh thể gầy, mạch lại tế, sắc<sup>(4)</sup>. Thế là âm dương đều bị tổn hại, nay phải dùng thuốc thật bổ để bồi dưỡng tì và thận, cốt giữ cái căn bản tiên thiên<sup>(5)</sup> và làm nguồn gốc cho cái hậu thiên<sup>(6)</sup>. Chính khí ở trong mà thắng thì bệnh ở ngoài sẽ tự nó tiêu dần, không trị bệnh mà bệnh sẽ mất.

---

(1) *Dương dược* : thuốc có tính nóng ; *âm dược* : thuốc có tính lạnh ; *trệ* : ứ đọng không lưu thông.

(2) *Vị phát tán* : vị thuốc có tác dụng làm cho người bệnh đổ mồ hôi.

(3) *Thuốc công phạt khắc bác* : loại thuốc dùng để chữa bệnh cho mau khỏi nhưng rất hại đến sức khoẻ của người bệnh.

(4) *Mạch tế, sắc* : mạch nhỏ và đập nhanh.

(5) *Tiên thiên* : cái bẩm sinh của con người khi còn trong bào thai, ngày nay gọi là gien di truyền.

(6) *Hậu thiên* : cái do nuôi dưỡng, được hình thành sau khi ra đời.



Ông tỏ ý kiến nói đi nói lại mấy lần, nhưng tôi vẫn cứ giải thích mãi. Ông nói :

– Cụ đã có chủ ý như thế thì cụ cứ viết ra thành phương thuốc để dâng lên.

Tôi vâng lệnh viết tờ khai rằng :

"*Châu mạch, thấy sáu mạch tế, sắc và vô lực, hữu quan yếu, hữu xích lại càng yếu hơn. Ấy là tì âm hư, vị hoả quá thịnh, không giữ được khí dương, nên âm hoả đi càn. Vì vậy, bên ngoài thấy cổ trướng, đó là tượng trưng ngoài thì phù, bên trong thì trống. Nên bổ tì thổ thì yên. Nay phỏng dùng : bạch truật (một lượng<sup>(1)</sup>), thực địa (ba đồng<sup>(2)</sup>), can khương (hai đồng), ngũ vị (một đồng). Sắc cho đặc, mỗi một lần uống một thìa trà đều với nước sâm sắc đặc. Uống khi lưng bụng.*

*Tiểu thân Lê Hữu Trác phụng kê".*

Tôi viết xong đưa lên. Ông nhìn kỹ một hồi, xem có ý ngại. Các thầy lang ngồi đấy cũng muốn xem. Ông không cho, dứt giấy vào túi áo, cười :

– Phương thuốc và lập luận của cụ khác chúng ta nhiều.

Ông bảo một nội thân mang tờ giấy vào. Một lát sau, ông đứng dậy bảo tôi đi theo, trở về điểm "Hậu mã". Uống trà một lát, ông nói với tôi :

– Cụ đi xa xôi vất vả, giờ hãy tạm về nghỉ. Có bà con bạn bè mời mọc cũng không được đi đâu. Để chờ thánh chỉ xem như thế nào.

Tôi từ già, lên cáng về dinh Trung Kiên. Trong vòng mười ngày, bạn bè trong kinh đều đến thăm hỏi, thường tình như thế.

(Theo LÊ HỮU TRÁC, *Thượng kinh kí sự*,  
bản dịch của PHAN VÕ, NXB Văn học, Hà Nội, 1971)

## HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Cho biết Lê Hữu Trác dùng bao nhiêu lần từ *thánh chỉ*, *thánh thượng*, *thánh thể* trong đoạn trích ? Những từ đó dùng để chỉ cái gì, chỉ ai và dụng ý của tác giả ?

---

(1) *Lạng* : đơn vị trong lượng thời xưa, tương đương với 40 gam.

(2) *Đồng* : bằng một phần mười lạng (4 gam).

2. Trong đoạn trích, tác giả kể ra rất nhiều người phục vụ, từ quan quân đến người hầu. Điều này gợi cho anh (chị) suy nghĩ gì về uy quyền của chúa Trịnh Sâm ?
3. Để đến được nơi ở của thế tử Cán, Lê Hữu Trác phải đi qua những nơi nào ? Quang cảnh và cách bài trí từng nơi tác giả đi qua gợi cho anh (chị) suy nghĩ gì về cuộc sống của chúa Trịnh ?
4. Dụng lại không khí khám bệnh cho thế tử Cán trong phủ chúa Trịnh. Chú ý tới sự hối hả, tấp nập có vẻ trang nghiêm nhưng hài hước qua cách kể của người tường thuật.
5. Theo anh (chị), cách viết kí của Lê Hữu Trác có gì đặc sắc ?

## BÀI TẬP NÂNG CAO

Anh (chị) hãy dựng lại hình tượng nhân vật Lê Hữu Trác qua đoạn trích *Vào phủ chúa Trịnh*.

## TRI THỨC ĐỌC - HIỂU

### Kí trung đại Việt Nam

Kí là loại hình văn xuôi tự sự dùng để ghi chép về con người, sự vật, phong cảnh,... Kí của Việt Nam khá đa dạng, phong phú và thực sự ra đời vào thế kỉ XVIII. Ta có thể coi *Công dư tiếp kí* của Vũ Phương Đễ (thế kỉ XVIII) là tác phẩm mở đầu cho thể kí ở Việt Nam. Tiếp theo là hàng loạt tác phẩm kí khác như *Cát Xuyên tiếp bút* của Trần Tiến, *Thượng kinh kí sự* của Lê Hữu Trác, *Bắc hành tung kí* của Lê Quýnh, *Vũ trung tùy bút* của Phạm Đình Hổ,... Đến thế kỉ XIX, những tác phẩm kí viết về phương Tây bắt đầu xuất hiện. Tác phẩm đầu tiên là *Tây hành kiến văn kỉ lược* của Lí Văn Phúc, sau đó là *Như Tây nhật kí* của nhóm tác giả Phạm Phú Thứ,...

*Thượng kinh kí sự* là tác phẩm kí độc đáo được Lê Hữu Trác hoàn thành vào tháng 8 - 1783. Ở đó, tác giả đã kết hợp nhiều hình thức nghệ thuật của kí như : du kí, nhật kí, hồi kí, kí phong cảnh, kí ghi người, ghi việc,... Phải thừa nhận rằng, đến *Thượng kinh kí sự*, thể kí văn học đích thực của Việt Nam mới thật sự ra đời. Đọc xong tác phẩm, ta thấy hình tượng nhân vật tác giả hiện lên rõ ràng, sinh động. Đây là một thi nhân, một ẩn sĩ thanh cao, một danh y lỗi lạc đã tự đặt mình ra ngoài vòng cương tỏa và mỗi khi nghe tới hai chữ "công danh" thì sợ đến "dựng cả tóc gáy" bởi đã mắc vào rồi thì "trời cứu cũng không thoát được". Ngoài ra, ta còn thấy Lê Hữu Trác là người lúc nào cũng đau đầu một nỗi thương cha mẹ, yêu quê hương, nhớ bạn bè thân thích đến không cầm được nước mắt.